

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 9 - 2023

*Về việc tranh chấp chia tài sản của
nam nữ chung sống như vợ chồng mà
không có đăng ký kết hôn và yêu cầu
hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Nga và ông Cầm Văn Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La đã xét xử công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 02/2022/TLST-HNGĐ ngày 21/10/2022 về việc tranh chấp chia tài sản của nam nữ chung sống như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXX-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn số 30/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11/9/2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Phạm Hồng Q, sinh năm 1955; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản T, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

*** Bị đơn:** Bà Lương Thị H, sinh năm 1981; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Cụm D, N, bản C, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La - Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Duy H1 - Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M (theo Văn bản ủy quyền số 3110/UQ-UBND ngày 15/9/2023 của Ủy ban nhân dân huyện M). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ban Q1 xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Anh Lường Trung K, sinh năm 2000; địa chỉ: Bản T, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Lèo Văn C, sinh năm 1964; địa chỉ: Bản T, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Ông: Hoàng Văn L, sinh năm 1972; địa chỉ: Bản T, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 12/9/2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn ông Phạm Hồng Q trình bày:***

Ông Phạm Hồng Q và bà Lường Thị H kết hôn với nhau vào năm 1999, chung sống với nhau đến năm 2004 ông Q và bà H ly h; đến năm 2005 hai ông bà quay lại chung sống với nhau tại bản Ít, xã P, huyện Q, tỉnh Sơn La nhưng không có đăng ký kết hôn, thời điểm đó bà H có nhờ bố dựng để dựng nhà ở tạm tại xã P, huyện Q, tỉnh Sơn La.

Ngày 29/11/2012, hộ gia đình ông gồm 3 người (ông Q, bà H và con trai là anh Lường Trung K) được phê duyệt giao hơn 16.000 m² đất trừ đá khoảng 13.000 m² đất tại bản T, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La (theo Quyết định số 3117/QĐ-UBND của UBND huyện M). Ngày 15/5/2013, UBND huyện M ban hành Quyết định số 971/QĐ-UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Lường Thị H và ông Phạm Hồng Q tại bản Tong Chỉnh, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Đến khoảng năm 2014 - 2015, ông Q và bà H phát sinh mâu thuẫn, hai ông bà không còn chung sống với nhau nữa. Sau khi UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Q và bà H, khoảng một năm sau, ông phát hiện ra UBND huyện M đã cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên một mình bà H, về diện tích, số lô và số thửa đất đều trùng với diện tích đất đã được cấp cho ông Q và bà H trước đó. Việc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Q không được biết và không hiểu lý do vì sao mà UBND huyện M cấp đổi lại, vì vậy ông Q làm đơn đề nghị Toà án giải quyết các vấn đề liên quan sau:

- Huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số seri BI4441395, BI 441396 mang tên Lường Thị H do UBND huyện M, tỉnh Sơn La cấp theo Quyết định số 3661/QĐ-UBND ngày 24/9/2013.

- Chia đôi tài sản của ông Phạm Hồng Q và bà Lường Thị H trong thời gian sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2005 đến năm 2014, cụ thể: Tổng diện tích đất là 13.859 m² tại bản Tong Chỉnh, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La gồm 4 thửa đất.

**** Theo bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn bà Lương Thị H trình bày:***

Bà H là vợ cũ của ông Q, năm 1999 bà H với ông Q sống chung với nhau tại thành phố S nhưng không được nhập khẩu vào thành phố. Năm 2004, bà H và ông Q thuận tình ly hôn, sau khi ly hôn bà chuyển về ở với mẹ đẻ của bà là bà Lò Thị T và bố dượng là ông Lò Văn M tại bản Ít, xã P, huyện Q, tỉnh Sơn La. Năm 2005, bà được ông bà ngoại tách hộ khẩu cho bà và cháu Lương Trung K ra ở riêng, khi đó ông Q có nguyện vọng quay lại ở với bà; đến ngày 07/5/2007, ông Q nhập vào hộ khẩu chung của bà và cháu K để có trách nhiệm với con chung. Cùng thời điểm đó, toàn bộ diện tích đất của bà được bố mẹ phân chia bị ảnh hưởng bởi dự án Thủy điện Sơn La nên được Nhà nước di dân đến bản Tong Chỉnh, xã C, huyện M sinh sống. Lúc đó, bà nghĩ rằng ông Q sẽ có trách nhiệm với 02 mẹ con nên đồng ý cho ông Q nhập khẩu ở Q và cùng di dân đến huyện M. Đến năm 2007, bà và ông Q có thêm 01 người con chung là cháu Lương Thị Tuyết M1; ban đầu, do không hiểu biết pháp luật nên bà đề nghị UBND huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà H và ông Q, sau khi về ở bản T, ông Q thường xuyên bạo lực với bà nên xảy ra mâu thuẫn, diện tích đất này là do bố mẹ chia cho bà nên là tài sản riêng của bà, đến bản Tong Chỉnh được Nhà nước phân chia đất nông nghiệp thì cũng là tài sản của riêng của bà, không có phần của ông Q. Diện tích đất được phân chia cho những nhân khẩu thể hiện trong hộ khẩu chỉ đối với đất thổ cư, nội dung này đã được Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M xác nhận, do đó ông Q chỉ được hưởng một phần trong 400m² đất, ông Q không phải sinh sống với bà ở bản P, diện tích đất ở bản P là do bố mẹ phân chia cho bà, khi nhập khẩu chung với bà ông Q hứa không nhận bất kỳ quyền lợi gì về đất đai, chủ yếu vì trách nhiệm với con cái. Nếu ông Q có yêu cầu tranh chấp, bà sẽ trả lại toàn bộ diện tích đất được Nhà nước hỗ trợ khi di dân cho bố mẹ bà.

Về bản chất ông Q chỉ có chung hộ khẩu với bà chứ không chung sống thường xuyên, liên tục với bà. Sau khi di dân năm 2009, ông Q đã chuyển ra ở riêng, kinh doanh riêng và không chung sống với mẹ con bà. Năm 2017, khi bà H lập gia đình mới, ông Q đã thuê đất của bà (hợp đồng bà cung cấp cho Tòa án sau), theo hợp đồng đến năm 2023 hết hạn thuê, theo giấy tờ hai cháu ở với ông Q, tuy nhiên thực tế cả hai cháu đều đang ở cùng với bà và gia đình nhà chồng tại bản N, phường C, thành phố S.

**** Theo văn bản trình bày ý kiến và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, người có quyền, nghĩa vụ liên quan anh Lương Trung K trình bày:***

Tôi Lương Trung K là con ruột của ông Phạm Hồng Q và bà Lương Thị H, trước đây gia đình tôi được Ủy ban nhân dân huyện M cấp một diện tích đất do di dân tái định cư thủy điện Sơn La. Tuy nhiên, hiện nay bố mẹ tôi đang có mâu

thuần và xảy ra tranh chấp về quyền sở hữu đất đai này, vì tôi là người có quyền lợi liên quan trong vụ án này, tôi quyết chuyển toàn bộ quyền lợi của mình sang cho mẹ tôi là bà Lương Thị H. Tôi đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật để đảm bảo tính công bằng và minh bạch, giúp chấm dứt vụ án một cách hợp lý và công bằng nhất. Hiện tại, tôi đang làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh và vì lý do công việc, tôi xin phép được vắng mặt trong các phiên toà, tôi cam kết sẽ cung cấp đầy đủ thông tin và hỗ trợ cần thiết cho quá trình giải quyết tranh chấp của Toà án.

**** Theo văn bản ghi ý kiến và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, người có quyền, nghĩa vụ liên quan UBND huyện M trình bày:***

Thực hiện dự án di dân tái định cư thủy điện Sơn La, UBND huyện M đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Hồng Q, bà Lương Thị H tại bản Tong Chinh, xã C theo Quyết định số 971/QĐ-UBND ngày 15/5/2013 của UBND huyện M. Tuy nhiên, do ông Phạm Hồng Q và bà Lương Thị H đã ly hôn từ năm 2004 theo Quyết định số 59/DS-ST ngày 23/6/2004 của Toà án nhân dân thị xã Sơn La, do đó UBND huyện đã thực hiện cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Lương Thị H.

Về thành phần hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lương Thị H, gồm có: (1) Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; (2) Quyết định công nhận thuận tình ly hôn; (3) Tờ trình số 320/TTr-TNMT ngày 24/9/2013 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M về việc đề nghị cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lương Thị H, bản Tong Chinh, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La (điểm tái định cư xen ghép bản Tong Chinh, xã C, huyện M).

Đối với hồ sơ cấp đất ban đầu, ông Q và bà H đã ly hôn những vẫn kê khai để hưởng các chính sách tái định cư. Theo tài liệu đầu đi (UBND huyện Q), ông Q là cán bộ hưu trí nhưng kê khai để hưởng đất đai và chế độ an sinh xã hội. Do kê khai sai sự thật, không đúng đối tượng để hưởng đất, trên cơ sở kê khai của bà H, UBND huyện M đã làm việc với các cơ quan xác định: Theo hướng dẫn của Nghị định 181/2004/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2003, bà H và ông Q đã ly hôn, không phải là vợ chồng thì không thể đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các bên không thống nhất được việc giải quyết vụ án thì đề nghị Toà án chuyển hồ sơ sang cơ quan Công an để làm rõ những nội dung liên quan đến việc kê khai không để hưởng chế độ.

**** Về việc tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải***

Tại Toà án nhân dân huyện Mai Sơn, sau khi thụ lý vụ án Toà án đã tiến hành phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 08/8/2022 và ngày 28/8/2022, đồng thời tiến hành phiên hòa giải vào ngày 28/8/2022 nhưng kết quả hòa giải không thành.

Ngày 27/3/2023, Toà án nhân tỉnh đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; ngày 07/4/2023, Toà án nhân dân tỉnh tiến hành phiên hoà giải lần hai. Cả hai lần triệu tập, Toà án đều tiến hành tổng đạt hợp lệ cho các đương sự thông báo mở phiên họp, phiên hoà giải nhưng bị đơn bà Lương Thị H và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (Ban Q1 xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, anh Lương Trung K, ông Lèo Văn C và ông Hoàng Văn L) đều vắng mặt. Nguyên đơn ông Phạm Hồng Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện M đề nghị không tiến hành hoà giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Toà án nhân dân tỉnh Sơn La chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hoà giải theo quy định tại khoản 2 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự.

**** Về việc xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:***

Quá trình giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn ông Phạm Hồng Q và xét thấy cần thiết, ngày 21/6/2022, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đang tranh chấp. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ xác định:

Thửa số 4 có diện tích đất 8.414,8m²; thửa số 12 có diện tích đất 461,1m²; thửa đất số 17 có diện tích đất 2.210,7m²; thửa số 18 có diện tích đất 2.828,1m²; thửa đất số 21 có diện tích đất 2.418,7m².

Tài sản trên đất gồm:

- Thửa đất số 4, tờ bản đồ số 1 (thửa đất quanh nhà ở): 01 ngôi nhà cấp 4, 01 bếp liền nhà, 1 bể nước liền nhà vệ sinh, các loại cây trồng trên đất (nhãn, xoài, mận, khế, đào, vải, mơ, na) và tre.

- Thửa đất số 17, tờ bản đồ số 01 có các loại cây ăn quả: Mận, nhãn, na.

- Thửa đất số 18, tờ bản đồ số 01 có các loại cây ăn quả: Mận, nhãn, xoài.

Tại buổi xem xét, thẩm định tại chỗ diễn ra vào ngày 21/6/2022, các đương sự có mặt đều xác nhận việc Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định đầy đủ, toàn diện các tài sản đang tranh chấp trong vụ án; cam kết giữ nguyên hiện trạng tài sản cho đến khi có quyết định hoặc bản án có hiệu lực thi hành của cơ quan có thẩm quyền. Cùng với việc xem xét, thẩm định tại chỗ, Tòa án đã thành lập Hội đồng định giá để tiến hành định giá các tài sản đang tranh chấp, xác định giá trị tài sản là đất theo giá thị trường; giá các tài sản khác trên đất theo giá của Ủy ban nhân dân tỉnh H2. Sau khi công bố kết quả định giá, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhất trí với kết quả định giá do Hội đồng định giá tiến hành; không ai có yêu cầu độc lập.

**** Tại phiên tòa sơ thẩm, ý kiến tranh luận của các đương sự như sau:***

- Nguyên đơn ông Phạm Hồng Q thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện ban đầu, ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của nam nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn giữa ông Phạm Hồng Q và bà Lương Thị H, chỉ đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri BI 4441395, số seri BI 4441396 mang tên bà Lương Thị H như đơn đề nghị và biên bản làm việc ngày 31/8/2023.

- Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên không có ý kiến tranh luận.

- Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa đều tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến tranh luận của các đương sự tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đương sự đã rút.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hồng Q. Huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri BI 4441395, số seri BI 4441396 của UBND huyện M cấp cho bà Lương Thị H. Về chi phí tố tụng và án phí: Các đương sự phải chịu chi phí tố tụng và án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu nội dung đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời trình bày của các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và phạm vi khởi kiện:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ông Phạm Hồng Q và bà Lương Thị H kết hôn với nhau vào năm 1999, hai ông bà chung sống với nhau đến năm 2004 thì thuận tình ly hôn theo Quyết định số 59/DS-ST ngày 23/6/2004 của Tòa án nhân dân thị xã Sơn La (nay là Tòa án nhân dân thành phố Sơn La); đến năm 2005 hai ông bà quay lại chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn; trong quá trình chung sống với nhau như vợ chồng, thực hiện dự án di dân tái định cư Thủy điện Sơn La, hai ông bà và con trai là anh Lương Trung K được Ủy ban nhân dân huyện M phê duyệt phương án giao đất cho hộ gia đình đến định cư xen ghép tại bản Tong Chinh, xã C và cấp Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất có số seri BI 441248, BI 441247 theo Quyết định số 971/QĐ-UBND ngày 15/5/2013 của Ủy ban nhân dân huyện M.

Ngày 21/8/2013, bà Lương Thị H có đơn đề nghị xin cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 24/9/2013, Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Quyết định số 3661/QĐ-UBND về việc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Lương Thị H có số seri BI 4441395, số seri BI 4441396.

Ngày 12/9/2021, ông Phạm Hồng Q có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Chia tài sản chung của nam nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn giữa ông Phạm Hồng Q và bà Lương Thị H và đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số seri BI 441395, BI 441396 mang tên bà Lương Thị H.

Đến ngày 31/8/2023, ông Phạm Hồng Q có đơn đề nghị rút phần yêu cầu chia tài sản chung của nam nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn giữa ông Phạm Hồng Q và bà Lương Thị H. Xét thấy, việc rút yêu cầu của ông Phạm Hồng Q là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này. Vụ án không có yêu cầu phản tố của bị đơn và không có yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, do đó xác định:

- Quan hệ pháp luật: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- Phạm vi khởi kiện: Liên quan đến yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số seri BI 441395, BI 441396 mang tên bà Lương Thị H.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Vụ án đã được thụ lý và giải quyết tại Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn từ ngày 23/3/2022. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Hồng Q có yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của nam nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn và đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri BI 441395 và BI 441396 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 24/9/2013 mang tên bà Lương Thị H. Xét thấy, đề nghị của ông Phạm Hồng Q có liên quan đến việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện M nên Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn đã ra Quyết định chuyển vụ án lên Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La giải quyết theo thẩm quyền.

Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La đã thụ lý vụ án theo đúng quy định tại khoản 4 Điều 34, Điều 37, Điều 41 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[1.3] Về việc tham gia tố tụng và sự vắng mặt của các đương sự:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xác định ông Phạm Hồng Q yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện M

cấp; hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc diện di dân tái định cư thủy điện Sơn La cấp cho hộ gia đình có 03 nhân khẩu gồm ông Q, bà H, anh K; trong quá trình sử dụng đất, bà Lương Thị H có giao dịch, chuyển nhượng một phần diện tích đất nông nghiệp cho ông Hoàng Văn L, sau đó ông Hoàng Văn L lại trao đổi, mua bán qua lại với ông Lèo Văn C, hiện nay phần diện tích chuyển nhượng do ông Lèo Văn C trực tiếp quản lý và sử dụng; Toà án đưa Ủy ban nhân dân huyện M, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, anh Lương Trung K, ông Hoàng Văn L, ông Lèo Văn C vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện M có văn bản ủy quyền cho ông Phạm Duy H1 - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M đại diện tham gia toàn bộ quá trình tố tụng tại Tòa án. Xét thấy, việc ủy quyền được các bên đương sự lập thành văn bản, trên cơ sở tự nguyện, thiện chí, tuân thủ đúng quy định pháp luật về ủy quyền nên được Tòa án chấp nhận.

Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lương Trung K: Ngày 27/7/2023, anh Lương Trung K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, xét thấy anh Lương Trung K đã trình bày quan điểm giải quyết vụ án tại đơn đề nghị và việc vắng mặt của anh Lương Trung K là có lý do chính đáng, nên được Tòa án chấp nhận.

Đối với sự vắng mặt của bị đơn bà Lương Thị H: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bà Lương Thị H nhưng bà H không có mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Lương Thị H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hồng Q:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của nam nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn giữa ông Phạm Hồng Q và bà Lương Thị H: Ngày 31/8/2023, ông Phạm Hồng Q có đơn đề nghị rút yêu cầu khởi kiện này, xét thấy việc rút yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hồng Q là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, đúng quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự, do đó Tòa án quyết định đình chỉ đối với yêu cầu này.

[2.2] Xét yêu cầu *hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*:

[2.2.1] Ngày 22/5/2007 Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Sơn La ban hành Quyết định số 752/QĐ-UBND về việc di dân đến vùng quy hoạch; ngày 04/6/2007 UBND huyện M ban hành Quyết định số 491/QĐ-UBND về việc tiếp nhận 03 hộ dân đến định cư xen ghép tại bản Tong Chinh, xã C, huyện M thuộc dự án di dân tái định cư thủy điện Sơn La; ngày 29/11/2012 Ủy ban nhân dân huyện M ban

hành Quyết định số 3177/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án giao đất cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tại bản T, xã C, huyện M; ngày 15/5/2013, Ủy ban nhân dân huyện M cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 971/QĐ-UBND cho hộ bà Lường Thị H và ông Phạm Hồng Q (có số seri: BI 441248, BI 441247); ngày 24/9/2013, Ủy ban nhân dân huyện M cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lường Thị H theo Quyết định số 3661/QĐ-UBND (có số seri BI 441396, BI 441395).

Hiện nay, ông Phạm Hồng Q yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri BI 441396, BI 441395 mang tên bà Lường Thị H.

[2.2.2] Xét tính pháp lý của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Quyết định số 3661/QĐ-UBND ngày 24/9/2013 của Ủy ban nhân dân huyện M về việc cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lường Thị H, thường trú tại bản T, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La.

** Về thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Lường Thị H và Quyết định số 3661/QĐ-UBND của UBND huyện M:* Căn cứ Luật Đất đai năm 2003, Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 và hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Lường Thị H. Xét thấy, việc Ủy ban nhân dân huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lường Thị H là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 52 Luật Đất đai năm 2003.

** Về đối tượng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:* Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri BI 441395, BI 441396 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho cá nhân bà Lường Thị H, thấy rằng:

- Về nguồn gốc đất: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Sau khi ly hôn, ông Q và bà H quay về sinh sống với bố mẹ đẻ của bà H là bà Lò Thị T và bố dượng là ông Lò Văn M tại bản Ít, xã P, huyện Q, tỉnh Sơn La và được bố mẹ bà H cho một thửa đất. Sau khi về chung sống, ông Q nhập khẩu cùng với bà H ở thửa đất đó. Đến năm 2007, thực hiện dự án di dân tái định cư thủy điện Sơn La, toàn bộ diện tích đất của bà H và ông Q đang ở bị thu hồi để thực hiện dự án, Nhà nước đã tiến hành bồi thường và hỗ trợ tái định cư cho hộ gia đình bà H tại bản Tong Chinh, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Ngày 15/5/2013, Ủy ban nhân dân huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 971/QĐ-UBND cho hộ gia đình bà Lường Thị H, ông Phạm Hồng Q, anh Lường Trung K tại bản Tong Chinh, xã C, huyện M. Như vậy, có căn cứ xác định nguồn gốc đất tranh chấp là đất do Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất thuộc diện di dân tái định cư Thủy điện Sơn La cho hộ gia đình bà Lường Thị H, ông Phạm Hồng Q và anh Lường Trung K ở bản Í, bản Khoang, xã P, huyện Q đến định cư xen ghép tại bản Tong Chinh, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La.

- Về diện tích đất được cấp: Căn cứ vào Quyết định số 3661/QĐ-UBND ngày 24/9/2013 của Ủy ban nhân dân huyện M, hộ gia đình bà Lường Thị H được

cấp tổng diện tích là 16.459,8 m². Trong đó, đất ở tại nông thôn là 400 m² (thuộc thửa đất số 7, tờ bản đồ số 1); đất nuôi trồng thủy hải sản là 503,2 m²; đất trồng cây hàng năm là 13.356,6 m²; diện tích đá lộ đầu có trong thửa đất trồng cây hàng năm là 2.200,0 m² (thuộc các thửa 1, 12, 17, 18, 21; tờ bản đồ số 1).

- Trình tự thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Trên cơ sở (1) Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; (2) Quyết định công nhận thuận tình ly hôn; (3) Tờ trình số 320/TTr-TNMT ngày 24/9/2013 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M về việc đề nghị cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lường Thị H, bản Tong Chinh, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La (điểm tái định cư xen ghép); ngày 24/9/2013 Ủy ban nhân dân huyện M cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lường Thị H.

Qua kiểm tra thành phần hồ sơ và quy trình thực hiện đối với hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lường Thị H, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho gia đình bà Lường Thị H có 03 nhân khẩu (trong đó bà H là chủ hộ, ông Q có quan hệ với chủ hộ là chồng và anh K có quan hệ với chủ hộ là con). Sau khi bị thu hồi đất, cả gia đình bà H cùng di chuyển về huyện M; tại thời điểm nhận bàn giao đất, cả ông Q và bà H đều ký nhận, bản thân bà H cũng không ý kiến gì về các nhân khẩu có trong hộ khẩu của bà và việc Ủy ban nhân dân huyện M cấp Giấy chứng nhận đất của Ủy ban nhân dân huyện M có tên ông Phạm Hồng Q. Đến ngày 21/8/2013, bà Lường Thị H có đơn đề nghị xin cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên một mình bà với lý do, bà H nhận thức không đúng nên kê khai cả tên ông Q vào để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thực chất ông bà đã ly hôn từ năm 2004, tuy nhiên hồ sơ cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa có sổ hộ khẩu thể hiện nhân khẩu ông Phạm Hồng Q thời điểm đó đang ở đâu, có cùng hộ khẩu với bà Lường H hay không, việc căn cứ vào Quyết định công nhận thuận tình ly hôn không thể hiện giải quyết phần tài sản tranh chấp trên như thế nào để cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lường Thị H là chưa đầy đủ. Mặt khác, ông Q cũng không được Ủy ban nhân dân huyện M thông báo về việc cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Do đó, ông Q mới có đơn đề nghị Ủy ban nhân dân huyện M xem xét lại việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại văn bản số 2102/UBND-CNVPĐKĐĐ ngày 17/9/2018, UBND huyện M cho rằng “Việc ông Q chỉ được cấp đất thổ cư, không được cấp đất nông nghiệp, do đó việc cấp đất (phần đất nông nghiệp) mang tên một mình bà H là đúng, phần đất thổ cư (400m² và hỗ trợ tiền xây dựng nhà ở) thuộc sở hữu chung vì ông Q là thành viên trong hộ bà H và ông Q thuộc dự án di dân tái định cư thủy điện Sơn La theo Quyết định số 491/QĐ-UBND ngày 04/6/2007, giao thanh tra huyện thẩm tra, đề xuất với UBND huyện về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện tham mưu ban hành thu hồi giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất, đồng thời phối hợp với Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, UBND xã C thực hiện trình tự cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Tuy nhiên, căn cứ Công văn số 142/DANN-QLDA ngày 28/3/2023 về phúc đáp văn bản số 2116/CV-TAND của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La. Ban quản lý các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh S cho rằng: Hộ bà Lường Thị H gồm 3 nhân khẩu (bà Lường Thị H là chủ hộ, ông Phạm Hồng Q quan hệ với chủ hộ là chồng và Lường Trung K quan hệ với chủ hộ là con trai) đã được thể hiện trong sổ hộ khẩu cấp ngày 10/6/2006 (tài liệu do UBND huyện M cung cấp), được phê duyệt danh sách di chuyển tái định cư xen ghép (đầu đi) tại Quyết định số 752/QĐ-UBND ngày 22/5/2007 của Ủy ban nhân dân huyện Q và được tiếp nhận tái định cư xem ghép (đầu đến) bản Tong Chinh, xã C, huyện M tại Quyết định số 491/QĐ-UBND ngày 04/6/2007 của Ủy ban nhân dân huyện M. Theo quy định tại Điều 9 Quyết định số 12/2007/QĐ-UBND ngày 08/5/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh S quy định cụ thể điểm a khoản 1, mục 4 khoản 3 Điều 16 về giao đất ở tại khu tái định cư theo Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ quy định:

- Đất ở: Hộ tái định cư đến điểm tái định cư tập trung nông thôn được giao đất ở tại điểm tái định cư từ 200 m² - 400 m²/hộ. Trường hợp có điều kiện về quỹ đất thì có thể giao mức cao hơn. Hộ tái định cư đến điểm tái định cư đô thị được giao 01 lô đất ở tại điểm tái định cư; Ủy ban nhân dân tỉnh Q2 diện tích. Trường hợp điểm tái định cư đô thị có quy hoạch xây dựng nhà chung cư thì thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 của Quy định này.

- Đất sản xuất lương thực và trồng cây công nghiệp được giao cho mỗi hộ tái định cư: Căn cứ vào quỹ đất trong quy hoạch chi tiết tái định cư đã được Ủy ban nhân dân tỉnh P làm căn cứ giao đất, mức giao tối thiểu như sau:

- Đối với đất sản xuất: Hộ độc thân 0,5 ha; hộ có từ 2 đến 4 khẩu 01 ha; hộ có từ 5 khẩu trở lên được giao thêm đất sản xuất như sau: Từ khẩu thứ 5 trở lên cứ thêm 1 khẩu được giao thêm tối thiểu 0,2 ha/khẩu.

- Đối với các khu quy hoạch chi tiết các điểm tái định cư, bao gồm cả tái định cư đô thị và tái định cư nông thôn: Diện tích đất giao cho các hộ theo quy hoạch chi tiết được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Về giao đất tại khu vực tái định cư: Bà Lường Thị H được Ủy ban nhân dân huyện M phê duyệt phương án giao đất tại Quyết định số 3177/QĐ-UBND ngày 29/11/2012 của Ủy ban nhân dân huyện M có tổng diện tích là 16.459,8m². Việc giao đất thực hiện theo quy định tại Điều 16 Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ và quy định tại Điều 9 Quyết định số 12/2007/QĐ-UBND ngày 08/5/2007 của UBND tỉnh S.

Tại văn bản trả lời của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S thể hiện: Hộ gia đình bà Lường Thị H thuộc đối tượng hộ di dân tái định cư Thủy điện Sơn La (nơi chuyển đi: Bản Ít, xã P, huyện Q; nơi chuyển đến: Bản Tong C1, xã C, huyện M), theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ, hỗ trợ tái định cư Dự án Thủy điện Sơn La; thuộc hộ tái định cư nông nghiệp, được giao đất theo quy định tại Điều 4, Điều 9 của Quyết định số 12/2007/QĐ-UBND ngày 08/15/2007 của UBND tỉnh S về việc quy định chi tiết một số điều về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án Thủy điện Sơn La ban hành theo Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

Xét thấy văn bản của Ban quản lý các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở T, Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09/01/2007, Quyết định số 12/2007/QĐ-UBND ngày 08/15/2007 của UBND tỉnh S đều xác định việc cấp đất cho các hộ di dân tái định cư Thủy điện Sơn La là cấp đất theo nhân khẩu, về mặt pháp lý ông Q và bà H không phải là vợ chồng nhưng hồ sơ cấp đất tái định cư thể hiện bà H là chủ hộ, ông Q có quan hệ với chủ hộ là chồng và con chung là anh K. Các bên khi giao, nhận, bồi thường đất không có ý kiến gì về nội dung này, do đó cần xác định diện tích đất nêu trên được giao cho hộ gia đình có 03 nhân khẩu là bà H, ông Q và anh K, được xác định là tài sản chung của 03 người và cùng có quyền lợi ngang nhau đối với tài sản chung đó.

Như vậy, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp đổi mang tên một mình bà Lường Thị H chỉ đúng về thẩm quyền nhưng sai về đối tượng được cấp, không tuân thủ quy định của pháp luật, xét thấy yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phạm Hồng Q là có căn cứ, cần chấp nhận để đảm bảo quyền lợi cho các cá nhân trong hộ khẩu bao gồm: Ông Phạm Hồng Q, bà Lường Thị H và anh Lường Trung K.

[2.3] Từ những phân tích, nhận định nêu trên, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Hồng Q về việc huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Lường Thị H.

[3] Hậu quả của việc huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La có trách nhiệm cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Lường Thị H và ông Phạm Hồng Q theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí và các chi phí tố tụng khác:

Về án phí sơ thẩm: Bà Lường Thị H phải chịu án phí sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Về các chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản do Toà án nhân dân huyện Mai Sơn tiến hành là 20.990.000 đồng, tại phiên

toà ông Q có ý kiến xin tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng, không yêu cầu bà H phải chịu chi phí cùng, do đó cần chấp nhận ý kiến của ông Q về việc chịu toàn bộ chi phí tố tụng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 48, Điều 50, Điều 52 Luật Đất đai năm 2003; Điều 34, Điều 37, Điều 147, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 32, Điều 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; khoản 1 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Hồng Q về việc chia tài sản của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn giữa ông Phạm Hồng Q và bà Lương Thị H.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Hồng Q. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri BI 441395, số seri BI 441396 mang tên bà Lương Thị H theo Quyết định số 3661/QĐ-UBND ngày 24/9/2013 của Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La.

3. Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La có trách nhiệm cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Lương Thị H và ông Phạm Hồng Q theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Bà Lương Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về chi phí tố tụng: Chấp nhận sự tự nguyện của ông Phạm Hồng Q về việc chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản là 20.990.000 đồng (*Hai mươi triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng*), ông Phạm Hồng Q đã nộp đủ theo phiếu thu ngày 13/5/2022 và ngày 22/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của

Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án.”.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tuấn Minh

